

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH  
**SỞ Y TẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **282** /SYT-KHTC  
V/v đánh giá kết quả thực hành  
tiết kiệm, chống lãng phí trong  
chi thường xuyên năm 2018

Bình Định, ngày **28** tháng 01 năm 2019

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc

Căn cứ Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính Quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 188/STC-TCHCSN ngày 23/01/2019 của Sở Tài chính về việc đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên năm 2018;

Sở Y tế yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên năm 2018 theo hướng dẫn tại Thông tư số 129/2017/TT-BTC, bao gồm các biểu mẫu sau:

- Đơn vị sử dụng ngân sách là cơ quan nhà nước (Văn phòng Sở Y tế, Chi cục Dân số - KHHGĐ, Chi cục ATVSTP) có trách nhiệm đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của cơ quan mình theo Phụ lục số 01-A ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC.

- Đơn vị sử dụng ngân sách là đơn vị sự nghiệp công lập (là các đơn vị trước khi sáp nhập, hợp nhất) có trách nhiệm đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của đơn vị mình theo Phụ lục số 01-B ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC.

- Đơn vị dự toán ngân sách có đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc (Chi cục Dân số - KHHGĐ) có trách nhiệm đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị mình theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC.

Các biểu mẫu kèm theo Công văn này được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của Sở Y tế tại địa chỉ: <http://sy.t.binhdinh.gov.vn>.

Báo cáo gửi về Sở Y tế trước ngày **31/01/2019** để kịp tổng hợp gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngoài việc gửi báo cáo bằng văn bản giấy (02 bản), Sở Y tế đề nghị các đơn vị gửi file báo cáo đến địa chỉ email: [khtc@sy.t.binhdinh.gov.vn](mailto:khtc@sy.t.binhdinh.gov.vn).

Nếu quá thời gian quy định trên, Sở Y tế vẫn chưa nhận được báo cáo đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế.

Giao Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đúng thời hạn quy định. 7. hand

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang TTĐT Sở Y tế;
- Lưu VT, VP, KH-TC. nh



**Lê Quang Hùng**

## PHỤ LỤC SỐ 01-A

# BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THUƯỜNG XUYỀN CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC LÀ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Năm 20...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

| STT       | Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|           | <b>Tổng cộng (A+B+C)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>100</b>  |                  |
| <b>A.</b> | <b>Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II+III)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>70</b>   |                  |
| I         | Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 55          |                  |
| 1         | Chi sách, báo, tạp chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6           |                  |
| 2         | Chi cước phí thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6           |                  |
| 3         | Chi sử dụng điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6           |                  |
| 4         | Chi xăng, dầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6           |                  |
| 5         | Chi sử dụng nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6           |                  |
| 6         | Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6           |                  |
| 7         | Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6           |                  |
| 8         | Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6           |                  |
| 9         | Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; Kinh phí bố trí để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù như: Kinh phí tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế được bố trí kinh phí riêng; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt) | 7           |                  |
| II        | Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền (trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách không có chức danh lãnh đạo có đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được điểm tối đa tiêu chí này)                                               | 5           |                  |
|           | Đã thực hiện khoán                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5           |                  |
|           | Chưa thực hiện khoán                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0           |                  |
| III       | Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao                                                                                                                                                                                                                                                           | 10          |                  |
|           | Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 10          |                  |
|           | Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0           |                  |



| STT       | Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                                                                                                                                   | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| <b>B.</b> | <b>Kết quả tiết kiệm tổng kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ đối với cơ quan nhà nước (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b> | <b>30</b>   |                  |
| 1         | Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao                                                                                                                                     | 10          |                  |
| 2         | Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao                                                                                                                              | 20          |                  |
| 3         | Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao                                                                                                                                     | 30          |                  |
| <b>C.</b> | <b>Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>                                                                                                      |             |                  |
| 1         | Có khoản chi bị Kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.                                                                                            | -5          |                  |
| 2         | Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.                                                                                  | -5          |                  |
| 3         | Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.                                                                                                                   | -5          |                  |

..., ngày...tháng...năm 20...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**PHỤ LỤC SỐ 01-B**

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG  
PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP  
NĂM 20...**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)*

| STT       | Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|           | <b>Tổng cộng (A+B+C)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>100</b>  |                  |
| <b>A.</b> | <b>Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>70</b>   |                  |
| I         | Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 55          |                  |
| 1         | Chi sách, báo, tạp chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6           |                  |
| 2         | Chi cước phí thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6           |                  |
| 3         | Chi sử dụng điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6           |                  |
| 4         | Chi xăng, dầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6           |                  |
| 5         | Chi sử dụng nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6           |                  |
| 6         | Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6           |                  |
| 7         | Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6           |                  |
| 8         | Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6           |                  |
| 9         | Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)                                                                                                                                                                                | 7           |                  |
| II        | Việc thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 15          |                  |
| 1         | Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao                                                                                                                                                                                                                                                           | 10          |                  |
|           | Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 10          |                  |
|           | Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0           |                  |
| 2         | Kết quả thực hiện chấm dứt số hợp đồng lao động không đúng quy định trong đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị không có hợp đồng lao động không đúng quy định hoặc đơn vị đã tự bảo đảm tự chủ tài chính thì được điểm tối đa chỉ tiêu này): Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này. | 5           |                  |
|           | Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5           |                  |
|           | Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0           |                  |

| STT       | Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                                                                                                                                       | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| <b>B.</b> | <b>Kết quả tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b> | <b>30</b>   |                  |
| 1         | Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao                                                                                                                                         | 10          |                  |
| 2         | Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao                                                                                                                                  | 20          |                  |
| 3         | Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao                                                                                                                                         | 30          |                  |
| <b>C.</b> | <b>Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>                                                                                                          |             |                  |
| 1         | Có khoản chi bị Kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.                                                                                                | -5          |                  |
| 2         | Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.                                                                                      | -5          |                  |
| 3         | Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.                                                                                                                       | -5          |                  |

....., ngày.....tháng.....năm 20....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)



**PHỤ LỤC SỐ 02**

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN DÙNG CHO ĐƠN VỊ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH - TRỪ BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP**

**Năm 20...**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)*

| STT       | Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần                                                                                     | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|           | <b>Tổng cộng (A+B+C)</b>                                                                                                  | <b>100</b>  |                  |
| <b>A</b>  | <b>Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>    | <b>30</b>   |                  |
| 1         | Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao                                                                       | 10          |                  |
| 2         | Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao                                                                | 20          |                  |
| 3         | Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao                                                                       | 30          |                  |
| <b>B.</b> | <b>Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp</b> | <b>50</b>   |                  |
| 1         | Trên 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên                                               | 50          |                  |
| 2         | Từ 50% đến 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên                                         | 45          |                  |
| 3         | Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên                                       | 40          |                  |
| 4         | Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên                                                  | 35          |                  |
| <b>C.</b> | <b>Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>                          | <b>20</b>   |                  |
| I         | Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí                                                             | 10          |                  |
| 1         | Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí                                        | 5           |                  |
| 2         | Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí                                | 5           |                  |
| II        | Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc                           | 10          |                  |
| 1         | Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí                                                 | 4           |                  |
| 2         | Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.                                                                            | 6           |                  |

..., ngày....tháng....năm 20...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký tên, đóng dấu)*